

KỶ NIỆM 100 NĂM NGÀY SINH HỌC GIẢ ĐÀO DUY ANH

GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH VÀ MÔN ĐỊA LÝ HỌC LỊCH SỬ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

NGUYỄN QUANG NGỌC*

Môn Địa lý học lịch sử ở nước ta có mầm mống từ trước, nhưng chắc chắn chỉ ra đời vào khoảng những năm 30 của thế kỷ XV với *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, đúng như nhận xét của Giáo sư Đào Duy Anh, đây “là tác phẩm địa lý học chuyên môn xưa nhất của chúng ta, tác phẩm ấy là một nguồn tài liệu chủ yếu cho sự nghiên cứu địa lý học lịch sử” (1).

Tiếp theo *Dư địa chí* phải kể đến *Thiên Nam dư hạ tập* gồm 100 quyển nhưng nay chỉ còn 8 quyển trong đó có 1 quyển nói về địa lý hành chính dưới thời Lê Thánh Tông cuối thế kỷ XV. Sách *Lê triều hội điển* cũng có 1 quyển “*Hộ thuộc*” có chép về địa lý hành chính ở nước ta hồi những năm 30 đến cuối những năm 70 của thế kỷ XVIII. Các sách *Ô châu cận lục* của Dương Văn An thời Mạc chép về hình thế núi sông, tên gọi, sản vật, lễ thói, phong tục, vốn quý con người xứ Thuận Hoá, *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn ghi chép tổng hợp về khu vực Đàng Trong mà chủ yếu là hai xứ Thuận Quảng những năm 70 của thế kỷ XVIII, *Kiến văn tiểu lục* cũng của Lê Quý Đôn cung cấp nhiều tài liệu về các trấn Sơn Tây, Hưng Hoá, Tuyên Quang đặc biệt là

hệ thống sông ngòi và đường giao thông..., tuy chỉ chép về từng vùng cụ thể nhưng cũng đều là các sách địa lý học lịch sử tiêu biểu.

Những tác phẩm trên đã đặt cơ sở rất quan trọng cho sự phát triển trội vượt của môn *Địa lý học lịch sử* vào đầu đời Nguyễn. Hàng loạt các tác phẩm và các tác giả nổi tiếng xuất hiện như: *Nhất thống dư địa chí* của Lê Quang Định, *Hoàng Việt dư địa chí* của Phan Huy Chú, *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, *Đại Việt địa dư toàn biên* của Nguyễn Văn Siêu, *Việt sử cương giám khảo lược* của Nguyễn Thông, *Sử học bị khảo* của Đặng Xuân Bảng, *Hưng Hoá phong thổ chí* của Hoàng Bình Chính, *Hưng Hoá kỷ lược* của Phạm Thận Duật, *Việt sử địa dư* của Phan Đình Phùng, *Bắc Thành địa dư chí* của Lê Chất, các bộ *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn... Trong tất cả các bộ sách đó thì bộ sách *Đại Nam nhất thống chí* thời Tự Đức là bộ sách tiêu biểu nhất cho lối viết địa chí truyền thống xưa - đúng như Giáo sư Đào Duy Anh nhận xét “là bộ địa chí đầy đủ nhất về tất cả các tỉnh miền Bắc, miền Trung và miền Nam” (2).

* PGS.TS. Khoa Lịch sử. Trường Đại học KHXH&NV.

Dưới thời Pháp thuộc, số học giả Việt Nam quan tâm đến Địa lý học lịch sử không nhiều và không có tác giả thực sự tiêu biểu. Trong khi đó lại xuất hiện khá nhiều học giả nước ngoài, mà nổi tiếng hơn cả là các học giả người Pháp như: H. Maspéro (Mát-pê-rô), L. Cadière (Ca-di-e), L. Arousseau (Ô-rút-xô), C. L. Madrolle (Ma-dờ-rôn), Piere Gourou (Gu-ru)...

Vào nửa cuối thế kỷ XX dưới chế độ mới, tuy có rất nhiều các công trình sử học lớn quan tâm đến Địa lý lịch sử Việt Nam và nhiều vấn đề về Địa - Hành chính, Địa - Văn hoá, Địa - Quân sự, Địa - Kinh tế... đã được xử lý và giải quyết khá thoả đáng, nhưng hầu như không có mấy tác giả coi Địa lý lịch sử là đối tượng nghiên cứu trực tiếp (3). Ngay từ đầu thế kỷ trước và nhất là từ đầu những năm 80 của thế XX cho đến nay, có rất nhiều công trình tỉnh chí, huyện chí, xã chí xuất hiện và chắc chắn không ít trong số đó là những tác phẩm Địa lý học lịch sử có giá trị (4). Thế nhưng những công trình này mới chỉ đề cập đến từng khu vực cụ thể và thành công của nó chỉ có thể được coi là những ví dụ đóng góp thêm vào môn *Địa lý học lịch sử Việt Nam* đang trên đà phát triển mà thôi.

Nhìn lại toàn bộ một thế kỷ nghiên cứu Địa lý học lịch sử Việt Nam, chúng tôi thấy chỉ có Giáo sư Đào Duy Anh là người không chỉ lấy Địa lý học lịch sử Việt Nam là đối tượng nghiên cứu trực tiếp mà ông chính là người khéo kết hợp hài hoà giữa tri thức uyên bác của một học giả lỗi lạc với truyền thống và kinh nghiệm khảo cứu Địa lý học lịch sử của Việt Nam và phương Đông, cùng phương pháp tiếp cận mới chính xác và hiệu quả của các học giả phương Tây. Chính sự kết hợp này đã nâng tầm các công trình của ông nổi bật và trội vượt so với các công trình của các tác giả đi trước.

Thật ra, Giáo sư Đào Duy Anh trước sau chỉ coi mình là một nhà sử học, lấy “nghiên cứu sử học là lẽ sống” (5) của cả cuộc đời mình. Để phục vụ cho nghiên cứu sử học, ông không thể không đi sâu nghiên cứu Địa lý học lịch sử vì “địa lý học lịch sử là một địa hạt chưa mấy ai đụng đến mà đối với nền Sử học của ta nó lại rất là cần thiết” (6). Ông không phải là người chuyên viết hay viết nhiều về Địa lý học lịch sử (7), nhưng các công trình của ông vừa có tính tổng hợp, tổng kết cao, vừa đi sâu vào các lĩnh vực cụ thể với những phát hiện và đóng góp mới mẻ. Giáo sư Đào Duy Anh cho rằng vấn đề quan trọng trước hết của Địa lý học lịch sử Việt Nam là phải “xác định cương vực của nước ta và vị trí của các khu vực hành chính trải qua các đời” (8). Vì thế ông đã dành nhiều thời gian và công sức tập trung nghiên cứu từ cương vực của nước Văn Lang đời Hùng Vương, nước Âu Lạc đời An Dương Vương, trải qua các thời kỳ Bắc thuộc, thời kỳ Đại Việt đến quá trình mở mang lãnh thổ xuống phía Nam của các vương triều về sau. Trong số những công trình chuyên khảo về Địa lý học lịch sử của Giáo sư Đào Duy Anh thì cuốn sách *Đất nước Việt Nam qua các đời* phải được coi là cuốn sách tiêu biểu nhất.

Đất nước Việt Nam qua các đời được chia ra thành 16 chương với những nội dung cụ thể như sau:

1. Nước Văn Lang.
2. Nước Âu Lạc.
3. Nước Âu Lạc dưới ách đô hộ của nhà Hán.
4. Nước Âu Lạc dưới ách đô hộ ngoại tộc trong thời Tam Quốc và thời Lương Tấn.
5. Nước Âu Lạc dưới ách đô hộ ngoại tộc trong thời Nam Bắc triều.

6. Nước ta dưới ách đô hộ của nhà Tùy và nhà Đường.

7. Cương vực nước ta ở bước đầu sau thời khôi phục tự chủ (họ Khúc, nhà Ngô và Thập nhị Sứ quân).

8. Cương vực nước ta thời Đinh Lê.

9. Cương vực nước ta thời Lý - nước Đại Việt.

10. Nước Đại Việt ở đời Trần và đời Hồ.

11. Những thay đổi về địa lý hành chính ở thời thuộc Minh.

12. Sự diên cách về địa lý hành chính qua các đời Lê Nguyễn.

13. Các tỉnh nước Việt Nam ở đời Nguyễn.

14. Sự mở mang lãnh thổ vào Nam qua các đời Lý Trần Hồ Lê.

15. Biên giới nước ta qua các đời.

16. Nhìn chung về lãnh thổ nước ta.

Các chương trên đã đề cập đến hầu hết các lĩnh vực như cương vực của nhà nước, vị trí các khu vực hành chính qua các đời, quá trình mở mang lãnh thổ và ổn định biên giới, các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm để bảo toàn lãnh thổ dân tộc... Đặc biệt dựa vào kết quả nghiên cứu tổng thể, ở phần cuối của cuốn sách, Giáo sư Đào Duy Anh đã phác dựng 8 tấm bản đồ để người đọc có thể dễ dàng hình dung toàn bộ quá trình phát triển và biến đổi của lãnh thổ đất nước trong khoảng thời gian kéo dài gần 2 thiên niên kỷ, tính từ đầu Công nguyên dưới ách đô hộ của nhà Hán cho đến đầu đời Nguyễn. Đáng rằng không khỏi có những vấn đề do hạn chế của những thành tựu khoa học ở vào đầu những năm 1960, khi tác giả làm sách hay vì những lý do phức tạp và tế nhị khác mà trong *Lời dẫn* của cuốn sách Giáo sư đã đề cập đến, chúng ta vẫn

không thể không khẳng định *Đất nước Việt Nam qua các đời* là công trình nghiên cứu đầy đủ và hệ thống hơn cả về đất nước Việt Nam của giới nghiên cứu Địa lý lịch sử Việt Nam thế kỷ XX. *Đất nước Việt Nam qua các đời* không chỉ là công trình vừa có tính tổng hợp, tổng kết, vừa chuẩn bị và vạch hướng cho tương lai phát triển của Địa lý học lịch sử Việt Nam. Giáo sư Đào Duy Anh, vì thế phải được coi là nhà Địa lý học lịch sử tiêu biểu nhất và nổi bật nhất ở thế kỷ XX. Ông cũng chính là người đắp móng xây nền cho môn học *Địa lý học lịch sử Việt Nam hiện đại*.

Bên cạnh *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Giáo sư Đào Duy Anh còn có *Địa lý học lịch sử về những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm* (9) là tổng hợp những phát hiện mới về địa lý học lịch sử phục vụ cho yêu cầu nghiên cứu phát huy truyền thống quân sự của cha ông trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; *Những đường giao thông lớn của nước ta trong thời cổ* (10) nhằm chứng minh tính thống nhất của lãnh thổ Việt Nam phục vụ cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Cũng cần phải nói thêm là Giáo sư Đào Duy Anh còn có các bài viết về Địa lý học lịch sử khu vực Thăng Long - Hà Nội, Huế, Sài Gòn, cảng Hải Phòng và *Địa chí Thanh Hoá* (11)...

Bước sang thế kỷ XXI, trong xu thế phát triển như vũ bão của khoa học và kỹ thuật, các khoa học chuyên ngành càng ngày càng chia nhỏ và đi vào các lĩnh vực hết sức chuyên sâu thì nhu cầu mở rộng liên kết, liên ngành và nghiên cứu khu vực học càng ngày càng trở nên bức thiết. Nghiên cứu liên ngành và khu vực học không chỉ nâng tầm các thành tựu nghiên cứu chuyên sâu, chuyên ngành mà chính nó lại đổ chắc chân đế, tạo thêm nền tảng cho nghiên cứu chuyên

sâu, chuyên ngành tiếp tục phát triển và vươn lên tầm cao mới. Công cuộc xây dựng đất nước công nghiệp hoá, hiện đại hoá đang đòi hỏi chúng ta phải có những công trình Địa - Chính trị, Địa - Quân sự, Địa - Kinh tế, Địa - Văn hoá... đủ sức làm cơ sở cho Đảng và Nhà nước hoạch định những chiến lược phát triển lâu dài. Vậy thì các học trò, các con cháu của

Giáo sư Đào Duy Anh, những người được thừa hưởng di sản vô giá của Giáo sư để lại sao không noi gương ông, tiếp bước ông, học tập và rút kinh nghiệm từ ông để xây dựng và mở mang chuyên ngành Địa lý học lịch sử ở trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội nói riêng, trong cả nước nói chung.

CHÚ THÍCH

(1). Đào Duy Anh: *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb. Khoa học, Hà Nội, 1964, tr. 6.

(2). Như trên, tr. 10.

(3). GS. Trần Quốc Vượng định nghĩa "Địa lý học lịch sử là một môn học xuyên ngành (*cross/trans - disciplinaire*), phối cả đối tượng Không - Thời gian, phối cả cách nhìn đồng lịch đại với cả hai phương pháp tiếp cận bản đồ học và điền dã".

Về các lĩnh vực Địa - Hành chính và Địa - Văn hoá phải kể đến một hệ thống các bài viết của GS. Trần Quốc Vượng từ năm 1959 cho đến nay và nhiều bài trong số đó đã được tập hợp trong sách *Việt Nam cái nhìn Địa - Văn hoá* (năm 1998). Đã có nhà nghiên cứu cho đây là lĩnh vực "thành danh" nhất gần như đứng hàng đầu của GS. Trần Quốc Vượng. Tuy nhiên, đúng như GS. Trần Quốc Vượng khẳng định: "Đứng hàng đầu về Địa lý học lịch sử (Géographie - Historique) vẫn là Thầy tôi, GS. Đào Duy Anh, với tác phẩm bất hủ để đời *Đất nước Việt Nam qua các đời*."

Cũng không thể không nhắc đến hàng loạt những bài viết của nhà nghiên cứu địa lý Đinh Văn Nhật chủ yếu để giải thích các địa danh, các quận huyện thời kỳ Hai Bà Trưng và mở rộng ra cả thời kỳ Bắc thuộc. Công việc nghiên cứu này là dày công và cũng có được ảnh hưởng nhất định trong một số nhà nghiên cứu không chuyên sâu ở cả trong và ngoài nước. Điều đáng tiếc là phương pháp nghiên cứu của tác giả hầu như không dựa trên nguyên tắc lý thuyết chặt chẽ và việc giải thích các địa danh cổ phần nhiều chỉ là suy diễn và lắp ghép một cách giản đơn những địa danh

trên bản đồ hiện đại, nên giá trị đích thực của các kết quả nghiên cứu không cao. Ngay từ đầu những năm 1980, chúng tôi đã không xếp các bài viết của ông Đinh Văn Nhật vào hàng những công trình Địa lý học lịch sử chuyên nghiệp của Việt Nam và cho đến nay chúng tôi vẫn giữ nguyên ý kiến của mình (Xem: Nguyễn Quang Ngọc. *Từ một số địa danh trong chuyên đề địa lý học lịch sử thời kỳ Hai Bà Trưng, suy nghĩ về một phương pháp địa danh học*, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 5-1982, tr. 78- 85).

(4). Chỉ tính riêng các sách Địa chí cấp tỉnh tính từ đầu những năm 1980 trở lại đây, có thể kể ra những sách sau:

- *Địa chí Hà Bắc* - 1982; *Địa chí Long An* - 1989; *Địa chí Văn hoá Thành phố Hồ Chí Minh* - 1987, 1988; *Địa chí Bến Tre* - 1991; *Địa chí Lạng Sơn* - 1999; *Địa chí Cao Bằng* - 2000; *Địa chí Quảng Ninh* - 2002, 2003; *Địa chí Thanh Hoá* - 2000; *Địa chí Bắc Giang* (Từ điển) - 2002; *Địa chí Khánh Hoà* - 2003; *Địa chí Đồng Tháp Mười*; *Địa chí Nam Định* - 2003....

(5), (6). *Hồi ký Đào Duy Anh (Nhớ nghĩ chiều hôm)*, Nxb. Trẻ, 2000, tr. 147.

(7). Có thể kể ra một số công trình Địa lý học lịch sử của Giáo sư Đào Duy Anh đã được xuất bản:

- *Đất nước Việt Nam qua các đời* (Nghiên cứu Địa lý học lịch sử Việt Nam), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1964.

- *Những cọc lim đào được với sự đổi dòng của Bạch Đằng*, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 129, năm 1969, tr. 10-18.

(Xem tiếp trang 16)

HỌC GIẢ ĐÀO DUY ANH

VỚI CÔNG TÁC KHẢO CHỨNG, CHÚ GIẢI TÀI LIỆU SỬ TỊCH

TẠ NGỌC LIÊN*

Khi nói về sự nghiệp khoa học của học giả Đào Duy Anh, chúng ta không thể không nói tới đóng góp quan trọng của ông ở môn khảo chứng, chú giải mà ông thường gọi là "*chỉnh lý tài liệu*" trong nghiên cứu và dịch thuật.

Chúng ta đều biết, trong hơn 40 năm qua, ngành nghiên cứu lịch sử của nước ta đã đạt được một số thành tựu đáng kể, trong đó có một thành tựu nổi bật là cho dịch và công bố được những bộ sử có giá trị tiêu biểu nhất, trọng tâm của di sản sử tịch dân tộc, làm tài liệu cơ bản để tìm hiểu, nghiên cứu lịch sử Việt Nam, và Đào Duy Anh cùng một số học giả khác ở Viện Sử học như Trần Văn Giáp, Hoa Bằng, Hoàng Thúc Trâm, Phạm Trọng Điềm..., là những người đã có công lớn làm nên thành tựu kể trên.

Nếu đọc lại những dịch phẩm về sử học do Tổ biên dịch của Viện Sử học thực hiện, được xuất bản từ những năm 1962-1963, trở đi, chúng ta thấy trong đó học giả Đào Duy Anh thường đảm nhiệm công việc giám định, chỉnh lý văn bản, hiệu đính và chú giải. Thí dụ, *Đại Nam nhất thống chí* do Phạm Trọng Điềm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính; *Phủ biên tạp lục* do Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Trọng Hân, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào

Duy Anh hiệu đính; *Đại Việt sử ký toàn thư* do Cao Huy Giu dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, chú giải và khảo chứng...

Để có được một bản dịch từ chữ Hán cổ ra Việt ngữ ngày nay đem xuất bản phải qua các công đoạn khảo chứng văn bản, dịch, hiệu đính, chú giải. Trong 4 công đoạn này, công đoạn nào cũng khó; song phải nói rằng khảo chứng văn bản và chú giải là hai khâu học thuật khó khăn, phức tạp nhất, bởi vì để thực hiện tốt công việc này, nhà nghiên cứu không chỉ giỏi chữ nghĩa mà còn phải có một vốn tri thức cổ học uyên bác, một nhà bác học về sách vở.

Nhìn vào lịch sử bộ môn huấn hồ học, hiệu khám học, khảo chứng học, tức là môn khoa học chuyên chú giải sách vở và giám định, phân biệt sách thật, sách giả của người Trung Quốc từ thời Đường, Tống đến Minh, Thanh, chúng ta thấy có nhiều học giả lớn, như Tư Mã Trinh (đời Đường) khảo chứng sách *Sử ký* của Tư Mã Thiên, làm thành bộ *Sử ký sách ẩn*. Trương Thủ Tiết (đời Đường) làm *Sử ký chính nghĩa*. Lịch Đạo Nguyễn thời Tấn chú giải sách *Thủy kinh*. Cố Viêm Vũ, Cố Tổ Vũ, Đới Chấn... đời Thanh, đều là những nhà khảo chứng nổi tiếng.

*PGS. TS. Viện Sử học.

Trong cái rừng cổ tịch của Trung Quốc có nhiều nguy thư, tức là nhiều sách giả. Vì vậy, việc nghiên cứu, phân biệt sách "chân, nguy" là một yêu cầu bức thiết và môn khảo chứng học rất phát triển ở Trung Quốc, đặc biệt là vào đời Thanh.

Ở Việt Nam thời xưa ít thấy có trường hợp chế tác nguy thư như ở Trung Quốc, nhưng di sản sách vở các cụ để lại rất bộn bề, phức tạp. Vì sách in ít, lại bị thất tán qua binh lửa liên miên, nên trong kho sách Hán Nôm hiện còn, đại bộ phận là sách chép tay, chứa đựng rất nhiều sai sót, nhầm lẫn, mà công tác khảo chứng, hiệu khám (tức là môn *văn bản học*) lại non kém, không phát triển, do đó các nhà nghiên cứu khi khai thác, sử dụng tài liệu cổ tịch gặp không ít khó khăn.

Ngay từ những năm 60 của thế kỷ trước, cũng như học giả Trần Văn Giáp, học giả Đào Duy Anh đã thấy đối với nguồn tài liệu lịch sử Việt Nam có nhiều vấn đề bức xúc về văn bản học và Đào Duy Anh đã viết bài "**Sự cần thiết chỉnh lý tài liệu trong công tác nghiên cứu và phiên dịch**" (Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* số 37-1962), trong đó, ông nói: "*Hiện nay tại Thư viện Khoa học Trung ương cũng như tại một số thư viện cơ quan (như Thư viện của Viện Sử học chẳng hạn) hay các thư viện riêng, chúng ta còn có một số thư tịch chữ Hán và chữ Nôm mà trong các mục lục xưa người ta gọi là quốc thư, đó đều là những tài liệu rất quý giá đối với sự nghiên cứu lịch sử, văn học và văn hóa xưa của ta về thời phong kiến và trước. Những tài liệu ấy, in cũng như viết tay, đều chưa được chỉnh lý, cho nên trong ấy có rất nhiều chỗ sai sót (ở đây chúng tôi không nêu lên những nguyên nhân phức*

tạp gây nên tình trạng sai sót ấy). Sự sử dụng những tài liệu ấy đặt ra một vấn đề tiên quyết là vấn đề chỉnh lý. Hiện nay các cơ quan nghiên cứu đã bắt đầu lần lượt phiên dịch những sách cũ ấy tùy theo chuyên môn của mình. Công việc phiên dịch cũng đặt ra vấn đề chỉnh lý thư tịch. Nếu không chỉnh lý mà cứ đem những tài liệu ấy ra mà sử dụng theo y nguyên văn thì tất khó tránh khỏi những điều sai lầm tai hại cho học thuật, như loại "thử hỏi, lỗ ngu", hay là "đô đô bình trượng ngã, thiết thiết phản nhập thiết" (1).

Trong công tác nghiên cứu cũng là công tác phiên dịch và hiệu đính của Tổ cổ sử (Viện Sử học), chúng tôi luôn luôn gặp những sách cũ có nhiều sai lầm như thế. Chúng tôi có thể nói rằng đối với tất cả thư tịch cũ của ta còn có ngày nay, muốn sử dụng chúng trong công tác nghiên cứu và phiên dịch thì nhất thiết phải làm công việc chỉnh lý trước đã".

Từ thực tế hàng ngày tiếp xúc với sách vở Hán Nôm, học giả Đào Duy Anh đã phát hiện và tổng kết thành 5 loại hình sai lầm thường gặp trong sách vở Hán Nôm là:

- Những chữ đồng âm lẫn với nhau (thí dụ sát là giết, lầm thành sát là xét)...
- Những chữ lầm thành chữ khác do tự dạng gần nhau ("*thập tam*" lầm thành "*thập nhất*". Nguyễn Kính Phi lầm thành Nguyễn Kính Ký)...
- Chép lầm vì lộn nghĩa ("*gia tội*" thành "*giảm tội*").
- Những chữ đảo lộn nhau ("*lý tụng*" (sử kiện) lầm thành "*tụng lý*" (lễ kiện)...
- Sót chữ, sót câu...

Cách đặt vấn đề và khái quát thực trạng phức tạp của sách vở Hán Nôm

của học giả Đào Duy Anh thật sự mang một ý nghĩa lý luận văn bản học. Cùng với hàng chục pho sách Hán Nôm viết về lịch sử, về văn chương, về đạo Phật, đã được Đào Duy Anh khảo chứng, chú giải một cách uyên bác, chứng tỏ ông là một nhà chú giải, khảo chứng tâm cỡ của nước ta.

Ở đây tôi chỉ nêu lên một vài dẫn chứng về sự đóng góp quan trọng của học giả Đào Duy Anh trên lĩnh vực chú giải, khảo chứng tài liệu lịch sử mà ông đã làm trong thời gian ông công tác tại Viện Sử học. Thí dụ:

1. Khảo chứng sách *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn.

Chúng ta đều biết *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn (viết ở Phú Xuân năm 1776) là nguồn tài liệu phong phú, quan trọng nhất ghi chép về đời sống kinh tế, chính trị, địa lý, lịch sử ở Đàng Trong dưới thời các chúa Nguyễn trị vì. *Phủ biên tạp lục* đã được Viện Sử học cho xuất bản năm 1964, do Đỗ Mộng Khương dịch, Đào Duy Anh khảo chứng và hiệu đính. Năm 1977, *Phủ biên tạp lục* được tái bản, nằm trong *Lê Quý Đôn toàn tập* (tập I).

Khi sử dụng *Phủ biên tạp lục*, chúng ta nói chung thường chỉ thấy đây là một quyển sách hết sức quý giá, chứ ít ai hiểu rằng để có được một bản dịch *Phủ biên tạp lục* như vậy, học giả Đào Duy Anh đã phải mất biết bao công sức trong việc khảo chứng, chỉnh lý văn bản trước khi dịch thuật.

Khi tiến hành khảo chứng văn bản *Phủ biên tạp lục*, học giả Đào Duy Anh tìm thấy 8 bản đều là sách chép tay, trong đó có 4 bản tốt nhất là bản của Thư viện Viện Sử học, bản của Thư viện Khoa học xã hội, bản của Trường Đại học Tổng hợp và bản của học giả Đào

Duy Anh sao chép và hiệu đính. Theo nghiên cứu của Đào Duy Anh thì mấy bản này cũng xuất từ 3 nguồn gốc chính là chép theo bản của Thư viện Bảo Đại, của Nội các ở Huế, và của Thư viện nhà Cao Xuân Dục (vốn được chép ở một bản của Quốc sử quán). Tuy nhiên, các bản này đều không hoàn chỉnh: bản thì chép nhầm lẫn, sai sót, bản thì thiếu phần cuối quyển I, quyển III... Tình trạng văn bản *Phủ biên tạp lục* vốn lộn xộn, thiếu sót và đầy rẫy nhầm lẫn như vậy đã khiến học giả Đào Duy Anh phải dày công giám định, chỉnh lý thành một văn bản nhất quán, đầy đủ, ổn định để hiệu đính và công bố.

Công việc ấy được ông tóm tắt lại như sau: "Chúng tôi đã đối chiếu ba bản ấy (tức là bản của Viện Sử học, Thư viện Khoa học Xã hội (nay đã chuyển về kho sách Viện Hán Nôm) và Trường Đại học Tổng hợp - TNL), đồng thời tra khảo đối chiếu với các sách *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Hậu Lê thời sự kỷ lược*, *Đại Nam thực lục tiền biên*, *Ô Châu cận lục*, *Gia Định thành thông chí*, *Lịch triều hiến chương loại chí*, *Đại Nam nhất thống chí*, *An Nam chí [nguyên]* mà chép làm một bản tương đối ổn xác..." (xem Đào Duy Anh. *Giới thiệu tài liệu "Sách Phủ biên tạp lục" và bản dịch*. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* số 64 - 7/1964).

Sách *Phủ biên tạp lục*, bản dịch hiện hành, chính là được dịch từ văn bản chữ Hán sau khi học giả Đào Duy Anh đã khảo chứng, chỉnh lý "tương đối ổn xác".

2. Chú giải sách *Đại Việt sử ký toàn thư*.

Đại Việt sử ký toàn thư là bộ quốc sử lớn của Việt Nam, lần đầu tiên được Viện Sử học cho dịch và xuất bản thành 4 tập (in trong 2 năm 1967-1968). Học giả Đào

Duy Anh đã có công lớn trong việc hiệu đính, chú giải và khảo chứng bộ sách quan trọng này. Vì *Đại Việt sử ký toàn thư* là sách in, nên không có mấy phức tạp về mặt văn bản học. Việc khó khăn, phức tạp nhất ở đây là chú giải, khảo chứng, đặc biệt là khảo, chú về địa danh.

Phần chú giải, khảo chứng cho bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* mà học giả Đào Duy Anh đã làm cộng lại dày ngót 250 trang sách in. Qua phần chú giải *Đại Việt sử ký toàn thư*, người đọc thấy Đào Duy Anh quả là học giả có một vốn kinh nghiệm tri thức sâu rộng, vững chắc về lịch sử, về địa lý học lịch sử. Khối lượng cổ tịch của Trung Quốc, Việt Nam được Đào Duy Anh sử dụng để chú giải *Đại Việt sử ký toàn thư* rất đồ sộ và qua đây cũng chứng tỏ Đào Duy Anh là nhà bác học về sách vở.

Sự uyên bác của một nhà chú giải học không chỉ bộc lộ ở công trình có quy mô lớn, mà nhiều khi chỉ chú giải một cuốn sách nhỏ, thậm chí một bài văn bia, cũng đủ in đậm dấu ấn của một đầu óc trác việt. Tôi muốn nói tới trường hợp học giả Đào Duy Anh chú giải, khảo chứng tấm bia cổ ở Trường Xuân (Đông Sơn, Thanh Hóa) do ông phát hiện, dựng vào năm Đại Nghiệp thứ 14 (618) đời nhà Tùy, tức là một tấm bia có niên đại cổ nhất ở nước ta. Nội dung tấm bia cổ ở Trường Xuân có liên quan tới vấn đề nhà Tiền Lý và có nói đến nhân vật lịch sử Lê Cốc, vào đời Đại Nghiệp từng làm Thái thú Cửu Chân.

Từ tấm bia này, dựa vào các nguồn sử tịch Trung Quốc như *Lương thư*, *Trần thư*, *Tùy thư*... Đào Duy Anh đã chứng minh rằng trong 60 năm kể từ khi Lý Bôn khởi nghĩa (năm 541, đời nhà Lương) dựng ra nhà Tiền Lý rồi kế tiếp là Triệu Quang Phục, Lý Phật Tử, đã lãnh đạo nhân dân Giao Châu thoát ly ách thống trị của phong kiến Trung Hoa, bác lại ý kiến của học giả Pháp, H.Maspéro cho rằng trong 60 năm ấy, Giao Châu vẫn nằm dưới sự thống trị của Trung Quốc. Học giả Đào Duy Anh còn phát hiện sự nhầm lẫn của H.Maspéro khi học giả này nói viên Thái thú Đàm Hoãn làm quan thời nhà Trần, nhưng thực ra Đàm Hoàn làm quan thời nhà Lương, trước nhà Trần.

Từ năm 1960 trở đi (tức là từ khi về công tác tại Viện Sử học), Giáo sư Đào Duy Anh đã khảo chứng, chú giải, hiệu đính nhiều bộ sách nổi tiếng về sử học, văn học, triết học, như bên cạnh *Đại Nam nhất thống chí*, *Phủ biên tạp lục*, *Đại Việt sử ký toàn thư*, ông còn khảo chú *Khóa hư lục*, *Bình thư yếu lược* (phụ *Hổ trưởng khu cơ*), *Truyện Hoa Tiên*, *Truyện Kiều*, thơ chữ Hán, chữ Nôm của Nguyễn Trãi...

Với những công trình này, chúng ta có đủ cơ sở để nhận định rằng, học giả Đào Duy Anh không những là một sử gia, một nhà địa lý học lịch sử lớn, nhà nghiên cứu văn học, văn hóa, nhà biên soạn từ điển danh tiếng, ông còn là nhà chú giải và khảo chứng học xuất sắc của nước ta.

CHÚ THÍCH

(1). Ngày xưa, để chỉ người học kém, đọc chữ nọ lẫn chữ kia, người ta nói là đọc *thỉ* (豕) làm *hợi* (亥), đọc *lô* (魯) làm *ngư* (魚) và để chế diễu, người ta nói là đọc câu "úc úc hồ văn tai (郁郁乎文哉)

(Luận ngữ) làm "Đô đô bình trượng ngã (都都平丈我) và đọc câu "Ấu ấu cập nhân ấu (幼幼及人幼) (Mạnh Tử) làm "Thiết thiết phản nhập thiết (切切反入切). Những câu đọc lầm thành chẳng có ý nghĩa gì cả.